

Số: 194/BC-SNN

Trà Vinh, ngày 15 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO

Sơ kết công tác quý I và kế hoạch công tác quý II năm 2016

Tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản quý I năm 2016 của tỉnh gặp khá nhiều khó khăn do nước mặn xuất hiện sớm hơn 2 tháng so với năm trước, lấn sâu vào thượng nguồn khoảng 70 km, độ mặn cao hơn từ 4-11‰ so với cùng kỳ, nắng nóng gay gắt, nhiệt độ tăng cao đã gây thiệt hại cho sản xuất lúa, hoa màu, cây ăn trái, cá nuôi làm cho giá trị sản xuất suy giảm đáng kể. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của ngành:

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tính đạt 7.743,87 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010) đạt 29,64% kế hoạch, giảm 2,32% so với quý I năm 2015, trong đó:

+ Nông nghiệp: 6.726 tỷ đồng, đạt 36,79% kế hoạch, giảm 1,27% so cùng kỳ, gồm:

++ Trồng trọt: 5.117 tỷ đồng, đạt 37,79%, giảm 2,19%.

++ Chăn nuôi: 871,39 tỷ đồng, đạt 28,33%, tăng 4,64%.

++ Dịch vụ nông nghiệp 737,97 tỷ đồng, đạt 44,18%, giảm 1,39%.

+ Thủy sản: 966 tỷ đồng, đạt 12,75% kế hoạch, giảm 9,42% so cùng kỳ.

++ Nuôi trồng thủy sản 509,53 tỷ đồng, đạt 8,64%, giảm 12,71%.

++ Khai thác hải sản 345 tỷ đồng, đạt 30,48%, giảm 4%.

++ Khai thác nội đồng 101,51 tỷ đồng, đạt 19,62%, giảm 13,41%.

++ Dịch vụ thủy sản 10 tỷ đồng, đạt 28,83%, tăng 61,76%.

+ Lâm nghiệp: 51,23 tỷ đồng, đạt 19,7%, tăng 6,32%.

- Về xây dựng nông thôn mới: Có thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 25% kế hoạch), không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí (đạt 100% kế hoạch), bình quân mỗi xã đạt 13,71 tiêu chí, tăng 0,45 tiêu chí so với cuối năm 2015 (đạt gần 50% kế hoạch).

- Chỉ tiêu về môi trường: Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 85,32% (vượt 2,8% kế hoạch); tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch 54,52% (vượt gần 1% kế hoạch).

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt: Diện tích gieo trồng cây hàng năm đến quý I đạt 178.715 ha, đạt 62,33% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 2.966 ha), cụ thể:

- Cây lúa: Tính đến ngày 15/3, toàn tỉnh gieo sạ được 155.982 ha, đạt 67,23% kế hoạch, giảm 2.115 ha so cùng kỳ, sản lượng thu hoạch 596.865 tấn, đạt 44,63% kế hoạch, giảm 57.392 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

+ Vụ thu đông - mùa: Thu hoạch 87.310 ha, đạt 99,5% diện tích xuống giống, còn lại 429,33 ha mất trắng do khô hạn, xâm nhập mặn, năng suất trung bình 5,29 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,05 tấn/ha), sản lượng 462.101 tấn, đạt 95,8% kế hoạch, giảm hơn 14.405 tấn so cùng kỳ.

+ Vụ đông xuân: Xuống giống 67.430 ha, vượt 3,7% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 1.458 ha); thu hoạch trà lúa sớm 20.860 ha, năng suất trung bình 6,46 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,25 tấn/ha), sản lượng 134.764 tấn, cao hơn 30.557 tấn so cùng kỳ. Diện tích thiệt hại 26.641 ha của 35.512 hộ, mức thiệt hại trên 70% là 12.963 ha, từ 30% đến 70% là 8.459 ha, dưới 30% là 5.219 ha. Dự ước sản lượng thiệt hại 117.771 tấn, khả năng sản lượng thu hoạch cả vụ 320.005 tấn

+ Vụ hè thu: Xuống giống 812 ha trên địa bàn 02 huyện Càng Long và Cầu Kè và đã có 54 ha bị thiệt hại do khô hạn, xâm nhập mặn.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 22.733 ha, đạt 41,6% kế hoạch, giảm 851 ha so cùng kỳ, trong đó: Màu lương thực 2.855 ha đạt 30,53% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 624 ha, gồm: Bắp 1.1947 ha, khoai lang 481 ha, khoai mì 271 ha, cây có bột khác 156 ha; màu thực phẩm 11.199 ha đạt 35,16% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 787,7 ha, gồm: Rau các loại 10.871 ha; đậu các loại 328 ha; cây công nghiệp ngắn ngày 7.941 ha đạt 58,82% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 178,1 ha, gồm: Đậu phộng 2.993 ha, mía đường 3.963 ha, lác 984 ha. Đã có thiệt hại do xâm nhập mặn 112 ha màu và cây công nghiệp ngắn ngày (trong đó có 43 ha mía).

- Cây lâu năm: Cây ăn trái 17.774 ha, sản lượng thu hoạch 96.200 tấn, giảm 11.900 tấn so cùng kỳ; cây dừa 19.942 ha, sản lượng 73.000 tấn, giảm 9.230 tấn so cùng kỳ. Tình hình xâm nhập mặn đã làm cho 3.430 ha cây ăn trái bị giảm năng suất từ 15-30%. Kết hợp Hội làm vườn, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Càng Long, Cầu Kè và Công ty TNHH sản xuất chế biến nông thủy sản xuất khẩu Thuận Phong triển khai thực hiện dự án trồng 100 ha xoài Cát chu.

b) Chăn nuôi, thú y:

- Theo số liệu ước tính của Cục Thống kê: Quý I, giá trị sản xuất lĩnh vực chăn nuôi được 871,39 tỷ đồng, đạt 28,33% (tăng 4,67% so với quý I/2015). Đến tháng 3, đàn heo 328.041 con, đạt 88,66% KH (giảm 11.159 con so cùng kỳ); đàn trâu, bò 178.395 con, vượt 17,65% KH (tăng 26.915 con), đàn gia cầm 4,32 triệu con, đạt 78,59% KH (giảm 243 ngàn con), sản lượng thịt hơi các loại được 22.753 tấn (đạt 26,77% kế hoạch), trứng các loại đạt 36,23 triệu quả.

- Công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai: Phối hợp với các địa phương triển khai thực công tác dập bệnh cúm gia cầm trên địa bàn xã Tân Bình, huyện Càng Long và lở mồm long móng xảy ra trên địa bàn các huyện Trà Cú, Cầu Kè, Tiểu Cần, Càng Long và thành phố Trà Vinh, các loại bệnh đã được khống chế⁽¹⁾; tập trung chỉ đạo tiêm phòng cúm gia cầm miễn phí tại xã vùng dịch của huyện Càng Long, tiêm phòng thu tiền và vận động hộ chăn nuôi tự tiêm ở các địa phương còn lại trên địa bàn toàn tỉnh được 671.288 con (gà 309.087, vịt 362.201); tiêm phòng bệnh LMLM 15.893 con gia súc; các loại bệnh thường xuyên 136.902 con gia súc (dịch tả 47.994, tụ huyết trùng 44.844, phó thương hàn 44.064), dại chó, mèo 249 con; sử dụng 340 lít thuốc sát trùng phun xịt dập dịch cúm gia cầm, LMLM với diện tích 794.876 m² chuồng trại của 10.330 lượt hộ nuôi; Hướng dẫn người chăn nuôi dự trữ thức ăn, nguồn nước cho vật nuôi và triển khai các biện pháp ứng phó trong bối cảnh hạn hán và nước biển xâm nhập trên diện rộng. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý, kiểm soát tình hình xuất, nhập tỉnh; lưu thông vận chuyển sản phẩm chăn nuôi trên thị trường nên sản xuất chăn nuôi tương đối ổn định góp phần bảo đảm ổn định nguồn cung cấp thực phẩm trước, trong và sau Tết Nguyên đán.

c) Lâm nghiệp:

- Công tác lâm sinh: Triển khai trồng phòng hộ tập trung được 15 ha rừng thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020, tiếp tục chuẩn bị vật tư, cây giống thực hiện trồng rừng năm 2016 theo kế hoạch. Tổ chức tía thưa điều chỉnh mật độ 51 ha rừng Đước giống tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải. Đồng thời, hoàn thành hồ sơ nghiệm thu công tác bảo vệ rừng với diện tích 4.867 ha.

- Công tác kiểm lâm: Tổ chức được 223 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 03 trường hợp vi phạm, tiến hành xử lý theo quy định; thực hiện vệ sinh phòng cháy chữa cháy rừng 143 ha, đạt 59% kế hoạch.

- Tình hình rừng bị thiệt hại: Do ảnh hưởng của triều cường làm 0,28 ha diện tích rừng phi lao (tương đương 1.019 cây) tại xã Đông Hải, huyện Duyên Hải và xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải do bị sạt lở.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Trà Vinh.

d) Thủy sản: Tổng sản lượng thủy sản quý I ước đạt 27.394 tấn (đạt 15,13% kế hoạch), giảm hơn 1.437 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích thả nuôi 25.118 ha, đạt 58,8% kế hoạch, thu hoạch 11.843 tấn, đạt 11,7% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 653 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Đến nay đã thả nuôi được 24.829 ha, tập trung các đối tượng nuôi chủ yếu như: Tôm sú đã thả nuôi 855 triệu con giống (13.252 ha), tôm thẻ chân trắng thả được 654 triệu con giống (1.302 ha), cua biển được 74 triệu con (10.274 ha). Thu hoạch 1.986 tấn, thấp hơn cùng kỳ 983 tấn, gồm

⁽¹⁾ Bệnh cúm gia cầm xảy ra tại 02 hộ chăn nuôi đã làm chết và tiêu hủy 2.952 con vịt, hiện đã qua 21 ngày không phát sinh ổ dịch mới; bệnh LMLM xảy ra tại 27 hộ với 117 con gia súc mắc bệnh (109 con bò, 8 con heo).

tôm sú 346 tấn, tôm chân trắng 1.101 tấn, cua biển 484 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác.

+ Vùng nước ngọt: Đến nay thả nuôi 38 triệu con giống, diện tích 289 ha (cá lóc 55,5 ha, tôm càng xanh 59,2 ha, còn lại chủ yếu là diện tích cá các loại); thu hoạch 9.857 tấn (cao hơn cùng kỳ 1.637 tấn), gồm: Cá lóc 5.844 tấn, cá tra 831 tấn, tôm càng xanh 135 tấn, còn lại là các loại khác.

+ Thiên tai, bệnh thủy sản: Do thời tiết diễn biến khá phức tạp, nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, gây bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng làm thiệt hại 49 triệu con tôm sú giống (chiếm 5,7%) diện tích 563 ha (chiếm 4,2%); 129 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 19,7%) diện tích 239 ha (chiếm 18,3%). Bên cạnh đó, tình hình mặn tăng cao đột ngột người nuôi không chủ động được nguồn nước đã gây thiệt hại 03 ha của 28 hộ nuôi với lượng con giống 1,56 triệu con, mức thiệt hại khoảng 50% (ước giá trị thiệt hại là 8,8 tỷ đồng).

+ Công tác phòng, chống dịch bệnh: Phân công cán bộ kỹ thuật xuống các địa phương để tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát tình hình bệnh nhằm chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh. Kiểm dịch 582 triệu con tôm giống, cấp 65 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 87 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 19 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, 18 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; thực hiện 34 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 21 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản.

- Khai thác: Đến tháng 3 sản lượng khai thác ước đạt 15.550 tấn (2.968 tấn tôm), đạt 19,5% kế hoạch, giảm 2.091 tấn so cùng kỳ, gồm: Khai thác nội đồng được 2.594 tấn (1.019 tấn tôm), khai thác hải sản được 12.956 tấn (1.949 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Quý I/2016 các doanh nghiệp thu mua 1.480 tấn thủy sản (tôm sú 148 tấn, tôm thẻ 672 tấn), chế biến 812 tấn, tiêu thụ 804 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 5 triệu USD.

e) Diêm nghiệp: Có 163 hộ sản xuất, diện tích 134,6 ha (giảm 52 hộ và 28,6 ha so cùng kỳ). Sản lượng thu hoạch 2.163 tấn, tiêu thụ 770 tấn với giá bán trung bình 15.000 – 20.000 đồng/giạ, tồn 1.543 tấn (gồm 150 tấn tồn từ năm 2015). Do giá muối thấp, diêm dân sản xuất không có lãi nên chuyển sang nuôi thủy sản, mặt khác do ảnh hưởng khói bụi của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải làm muối bị đen, giảm chất lượng.

f) Phát triển nông thôn:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức được 224 cuộc lồng ghép tuyên truyền với 7.667 lượt người dự, các nội dung tuyên truyền tập trung chủ yếu là vận động thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, tiêu chuẩn ấp, hộ nông thôn mới, vận động người dân tham gia các loại hình kinh tế hợp tác, bảo hiểm y tế, bảo vệ cảnh quang môi trường, hàng rào, trồng cây xanh, làm cột cờ kết hợp đèn chiếu sáng.

+ Đến nay, Ban Chỉ đạo nông thôn mới các xã quyết định công nhận 110.116 hộ đạt chuẩn hộ nông thôn mới, chiếm 50,41% tổng số hộ phát động; 116 ấp đạt chuẩn ấp nông thôn mới, chiếm 17% tổng số ấp.

+ Kết quả rà soát theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 85 xã: Có thêm 02 xã đạt 19 tiêu chí, lũy kế đến nay có 22 xã đạt 19 tiêu chí (20 xã đã có quyết định công nhận); 05 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí; 58 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, bình quân mỗi xã đạt thêm 0,45 tiêu chí so với cuối năm 2015, nâng lên mức đạt 13,71 tiêu chí/xã.

- Chương trình bố trí dân cư: Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy mô các hạng mục công trình: Đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước khu dân cư của Dự án di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa; bàn giao một phần mặt bằng dự án trên cho Công ty TNHH Điện gió Trà Vinh; tiến hành lập hồ sơ đề nghị xin cấp phép thi công xây dựng trong phạm vi bảo vệ hành lang cầu Tiểu Cần qua Quốc lộ 60 thuộc Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông. Đồng thời, đề nghị thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công hạng mục đường giao thông liên ấp thuộc dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

+ Tập trung quyết toán 04 dự án hoàn thành trong năm 2015, kết quả đã giải ngân được 5,32 tỷ đồng (đạt 88,8% vốn phân bổ). Trong 03 tháng đầu năm đã lắp đặt cho 2.409 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đã cung cấp được cho 81.579 hộ, đạt 54,52% số hộ nông thôn được cung cấp nước sạch. Đồng thời, đã tham mưu UBND tỉnh đề nghị Trung ương phân bổ về tỉnh được 4,2 tỷ đồng để lắp đặt đường ống dẫn nước phục vụ sinh hoạt cho người dân trên địa bàn các huyện Càng Long và Châu Thành gặp khó khăn về nguồn nước ngọt.

+ Tình hình thiếu nước sinh hoạt: Có khoảng 18.770 hộ dân nông thôn thuộc các xã cánh B huyện Càng Long, một số xã của huyện Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú và xã Long Đức, thành phố Trà Vinh thiếu nước sinh hoạt, trong đó có 9.672 hộ thiếu nước nghiêm trọng. Sử dụng nguồn vốn sự nghiệp của Trung tâm nước Sinh hoạt và VSMTNT đã đầu tư mở rộng 31 km ống của các trạm cấp nước trên địa bàn các huyện Càng Long, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang và thành phố Trà Vinh, giải quyết cho 954 hộ dân, đạt 5% tổng số hộ thiếu nước sinh hoạt.

3. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quy hoạch: Đang trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập 2 Hội đồng thẩm định rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch ngành và Quy hoạch cây ăn quả chủ lực trồng tập trung trên địa bàn tỉnh; đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định đề cương nhiệm vụ và dự toán lập Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ làm cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt; đang xin chủ trương rà soát, điều chỉnh, bổ sung 02 quy hoạch: Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi, giết mổ tập trung và Quy hoạch vùng nguyên liệu mía.

b) Tham mưu xử lý, ban hành văn bản:

- Hoàn chỉnh lại theo ý kiến đóng góp của Sở Tư pháp dự thảo Quyết định ban hành quy định phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh và dự thảo Quyết định Quy định về quản lý và bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh; trình UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về việc tăng cường công tác quản lý giống, thức ăn, thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học dùng trong nuôi trồng thủy sản.

- Tham mưu xây dựng và phân công nhiệm vụ cho các phòng, đơn vị trực thuộc xây dựng các quy hoạch, nghị quyết, chương trình, đề án, dự án năm 2016 và các nhiệm vụ phân được phân công tại Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh; ban hành Quyết định thành lập tổ tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển.

- Thành lập tổ công tác thống kê, đánh giá thiệt hại, ảnh hưởng do thiên tai xâm nhập mặn và rà soát điều chỉnh cơ cấu sản xuất, cơ cấu mùa vụ cây trồng, thủy sản tại các huyện, thị xã, thành phố; xác định các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt bức xúc cần đầu tư để chủ động ứng phó với tình hình hạn hán, xâm nhập mặn năm 2016 và những năm tiếp theo. Kết hợp tổ chức Oxfam khảo sát tình hình thiệt hại do thiên tai tại các xã Hàm Giang, Hàm Tân huyện Trà Cú; xã Đức Mỹ huyện Càng Long; xã Đa Lộc huyện Châu Thành.

- Chỉ đạo thực hiện các giải pháp tăng cường công tác phòng, chống dịch trên đàn vật nuôi; kiểm tra tình hình sử dụng chất cấm trong chăn nuôi.

- Lây ý kiến thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công, dự toán xây dựng công trình Trạm quản lý bảo vệ rừng Đông Hải và công trình vườm ươm cây bán ngập mặn; bổ sung phương án trồng rừng thay thế và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; xin ý kiến góp ý dự thảo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành điều lệ và tổ chức hoạt động của quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh.

- Tham mưu phê duyệt phương án tía thưa, điều chỉnh mật độ rừng Đước khu Căn cứ Hậu cần – kỹ thuật Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; phê duyệt phương án phòng cháy chữa cháy rừng năm 2016; hoàn thành công tác thẩm định hồ sơ thiệt hại do thực hiện công trình Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu.

- Thông báo trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

- Quyết toán nguồn vốn sự nghiệp năm 2015, phân bổ, giao vốn sự nghiệp cho các đơn vị thuộc Sở năm 2016 để triển khai thực hiện nhiệm vụ, đồng thời cung cấp số liệu phục vụ kiểm toán Nhà nước năm 2016.

- Đề xuất nội dung xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của đảng; báo cáo kết quả thực hiện phong trào thi đua đặc biệt chào mừng Đại hội Đảng các cấp.

d) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Kết hợp địa phương tổ chức thực hiện được 162 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 106.270 m, khối lượng 373.086 m³, đạt 24,5% kế hoạch.

- Nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng 02 công trình: Sửa chữa các cầu trên tuyến đê Tả - Hữu sông Cổ Chiên, gia cố sạt lở đoạn đê Tả Hữu sông Cổ Chiên xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

- Tổ chức 44 đợt kiểm, phát hiện 12 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành quy định phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, Quyết định Quy định về quản lý, bảo vệ đê điều, Dự thảo kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi hiện có trên địa bàn tỉnh

e) Công tác xây dựng cơ bản: Trong quý, hoàn thành 01 dự án, tiếp tục triển khai thực hiện 19 dự án (04 dự án khởi công mới, 14 dự án chuyển tiếp, 01 đang trong giai đoạn lập dự án), gồm: 10 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 06 công trình đê, kè; 03 công trình dân dụng, đã giải ngân 27,8 tỷ đồng đạt 14,7% kế hoạch. Đồng thời, đang triển khai lập các thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt để thi công các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2016 và vốn khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông xuân năm 2015-2016.

f) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

- Phối hợp với Hội Làm vườn tỉnh và Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện Cầu Kè, Càng Long và Châu Thành tổ chức tập huấn 10/42 lớp, trong đó: 04 lớp thành lập mới Tổ hợp tác và 06 lớp thành lập mới HTX. Đến nay, toàn tỉnh có 44 HTX nông nghiệp - thủy sản và khoảng 1.850 tổ hợp tác sản xuất.

- Hỗ trợ HTX thanh long ruột đỏ Đức Mỹ (huyện Càng Long) xây dựng kế hoạch, đăng ký thực hiện đề tài “Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa các sản phẩm giá trị gia tăng từ trái thanh long”; hỗ trợ HTX Thành Công (huyện Trà Cú) xây dựng cánh đồng lớn về rau màu, hướng thực hiện bộ thủ tục xây dựng vùng sản xuất rau màu theo tiêu chuẩn VietGAP. Hỗ trợ HTX Dân Tiến, HTX Cam sành Cầu Kè (huyện Cầu Kè) xây dựng mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới.

g) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm 50 cơ sở kinh doanh thực phẩm; kiểm tra, đánh giá 59 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông-lâm-thủy sản, kết quả xếp loại có 36 loại A, 21 loại B, 01 loại C và 01 đang tạm ngưng hoạt động; cấp 33 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 131 mẫu (68 mẫu nông sản, 63 mẫu thủy sản).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 124 tàu cá (01 tàu cá ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 37 tàu, đăng ký 38 tàu, xóa bộ 04 tàu, cấp 40 sổ danh bạ (214 thuyền viên), cấp 98 giấy phép khai thác thủy sản, 74 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.198

tàu cá được đăng ký, tổng công suất 88.712 CV (212 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

+ Tổ chức thu phí 1.208 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.790 tấn hàng hóa, cho thuê mặt bằng với số tiền trên 153 triệu đồng.

- Thanh tra kiểm tra:

+ Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 44 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, các quy định về an toàn thực phẩm nông, thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản cho 1.143 lượt người.

+ Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về chấp hành các quy định của pháp luật về thú y thủy sản và giống thủy sản, khai thác và quản lý tàu cá đối với 68 cơ sở kinh doanh thuốc, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản, hộ chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm, kinh doanh sản phẩm động vật, 44 phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 94 tàu cá; thu, phân tích 56 mẫu; xử lý 11 trường hợp vi phạm.

h) Công tác phát triển khoa học công nghệ, khuyến nông và công tác giống:

- Vụ Đông Xuân khảo nghiệm 3 bộ giống lúa (bộ phẩm chất, bộ triển vọng và bộ Trà Vinh), diện tích 0,4 ha; khảo nghiệm 0,7 ha giống bưởi da xanh xen dừa, hiện đang phát triển tốt (230 cây bưởi xen 40 cây dừa).

- Tổ chức 95 lớp tập huấn kỹ thuật trồng dưa hấu, kỹ thuật chăn nuôi bò, vỗ béo bò, kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú, tôm càng xanh, cua biển, nuôi cá lóc cho 2.667 lượt người.

- Thực hiện các mô hình trình diễn trồng trọt, chăn nuôi: Mô hình cải tạo đàn dê bằng phương pháp gieo tinh nhân tạo, mô hình ứng dụng 3 giảm 3 tăng và kỹ thuật trồng lúa SRI nhằm nâng cao hiệu quả và góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa.

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Nhân giống lúa OM 5451 vụ Đông Xuân, diện tích 10 ha, đang trong giai đoạn chín; nhân giống bưởi da xanh 06 ha tại các huyện Trà Cú, Tiểu Cần, Cầu Kè, phát triển bình thường. Tổ chức sản xuất 16,6 ha lúa giống (cấp nguyên chủng 8,3 ha), trong đó vụ Thu Đông 5,1 ha, Đông Xuân 11,5 ha. Cung ứng 63,8 tấn lúa giống và 1.243 cây giống các loại.

+ Giống thủy sản: Nuôi vỗ và lưu giữ đàn cá tra bố mẹ đã qua chọn lọc từ Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản II; nuôi vỗ lươn bố mẹ chuẩn bị thực hiện mô hình “Sản xuất giống lươn đồng bằng phương pháp sinh sản bán nhân tạo”. Cung ứng, điều tiết cho người nuôi được 5,12 triệu con post tôm sú, 5,1 triệu con post tôm thẻ chân trắng, 1,16 triệu con tôm càng xanh toàn đực, 0,2 triệu con cua biển.

k) Tình hình triển khai thực hiện các chính sách trong lĩnh vực ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ: Tính đến nay các tổ chức tín dụng trên địa bàn đầu tư cho vay sản xuất nông nghiệp, nông thôn với tổng dư nợ là 5.645 tỷ đồng với khoảng 200.000 khách hàng, chiếm khoảng 45% tổng dư nợ chung toàn tỉnh, trong đó dư nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng khoảng 50%, dư nợ trung và dài hạn chiếm tỷ trọng 50%.

- Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg: Đến nay, các tổ chức tín dụng đã cho 227 khách hàng vay, với tổng dư nợ hơn 86 tỷ đồng để mua sắm các máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch và sau thu hoạch trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản.

- Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP: 03 tháng đầu năm đã tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách các chủ tàu cá được hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm thân tàu 5 tàu; bảo hiểm thuyền viên 5 tàu, với 23 thuyền viên. Lũy kế đến nay UBND tỉnh phê duyệt cho 137 tàu mua bảo hiểm thuyền viên (cho 848 thuyền viên) và 119 trường hợp mua bảo hiểm thân tàu, đã giải ngân được 919 triệu đồng (bảo hiểm thân tàu 737,2 triệu đồng; bảo hiểm thuyền viên 181,8 triệu đồng). Đồng thời, tiếp tục phối hợp với Ngân hàng Đầu tư phát triển trong việc thẩm định để giải ngân vốn theo từng đợt cho 02 hộ được vay vốn đóng mới tàu khai thác xa bờ, với tổng số tiền cam kết cho vay 16,896 tỷ đồng.

- Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ: Đang trình phê duyệt dự toán kế hoạch đào tạo nghề từ nguồn vốn kết dư của năm 2015 chuyển sang. Đồng thời, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh phân bổ vốn năm 2016 (3,2 tỷ đồng) về cho các huyện, thị xã thực hiện.

- Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Từ đầu năm đến nay, đã tham mưu UBND tỉnh ban hành định mức hỗ trợ cụ thể khi tham gia xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2016, Ngành Nông nghiệp và PTNT sẽ tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội nghị triển khai Quyết định 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, vốn phân bổ năm 2016 là 8,755 tỷ đồng.

- Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Đã phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ vốn về cho các địa phương triển khai thực hiện (được cấp hỗ trợ 25,2 tỷ đồng).

- Chính sách hỗ trợ chuyển đổi trồng lúa sang trồng màu theo Quyết định số 580/QĐ-TTg: Đã phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ vốn về cho các địa phương (được cấp hỗ trợ 5,948 tỷ đồng) để cấp phát cho các hộ dân đã tham gia thực hiện.

- Chính sách chính sách quản lý, sử dụng đất trồng lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP: UBND tỉnh đã phân bổ vốn về các địa phương thực hiện (được cấp hỗ trợ 74 tỷ đồng).

- Chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg: Đã tổ chức hội nghị triển khai đến các Sở, ban ngành và địa phương thực hiện. Đồng thời, bổ sung các vùng, khu vực cụ thể áp dụng VietGAP vào các quy hoạch chuyên ngành trong quá trình lập mới và rà soát, điều chỉnh bổ sung.

4. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những mặt đạt được nêu trên và trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ công tác của ngành còn gặp những tồn tại, hạn chế sau:

- Tình trạng sản xuất lúa tự phát, không theo quy hoạch, cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống, lịch thời vụ... vẫn còn xảy ra khá phổ biến (*trừ huyện Càng Long, hầu hết các nơi còn lại đều vướng tình trạng này*).

- Việc chuyển đổi diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác để có hiệu quả cao hơn còn ít, chưa đạt yêu cầu so với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Bệnh cúm gia cầm, LMLM trên gia súc phát sinh, bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng xảy ra rải rác, cục bộ ở một số địa phương làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển nuôi tôm nước lợ của tỉnh.

- Công tác quản lý qui hoạch còn nhiều hạn chế; chưa có biện pháp chế tài khi nông dân không thực hiện theo quy hoạch.

- Số lượng tàu hoạt động khai thác giảm dẫn đến sản lượng khai thác thủy, hải sản đạt thấp so với cùng kỳ.

- Tình trạng vi phạm về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm, đặc biệt là các sản phẩm thủy sản khô chưa được khắc phục.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi thủy sản được quan tâm đầu tư. Tuy nhiên, một số vùng nuôi thâm canh hệ thống giao thông, thủy lợi và điện chưa đáp ứng yêu cầu.

- Sản xuất giống tại địa phương với còn qui mô nhỏ lẻ; công tác kiểm soát, quản lý chất lượng giống còn nhiều hạn chế, tình trạng tôm giống thả nuôi không qua kiểm dịch vẫn còn xảy ra. Các vùng sản xuất giống thủy sản, vùng nuôi tập trung chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng để kêu gọi doanh nghiệp tham gia thực hiện.

b) Nguyên nhân

- Việc chỉ đạo, quản lý sản xuất hiện nay chủ yếu thông qua công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, khuyến cáo, chưa có quy định chế tài đủ mạnh để bắt buộc người sản xuất tuân thủ nghiêm ngặt nên chưa khắc phục được tình trạng sản xuất tự phát, không theo quy hoạch, cơ cấu mùa vụ, lịch thời vụ, cơ cấu giống.

- Đầu ra của các sản phẩm thực hiện chuyển đổi (*cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày*) các năm qua quá bấp bênh (*có lúc bán được, giá cao nhưng cũng có khi bán không có người mua, giá bán thấp hơn giá thành sản xuất*), nhất là khi diện tích chuyển đổi nhiều, sản lượng tăng cao, nên người sản xuất không an tâm, lại quay về trồng lúa để đảm bảo an toàn, mặc dù họ vẫn biết là hiệu quả sản xuất lúa không cao bằng các loại cây trồng khác.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi từng lúc, từng nơi chưa được quan tâm đúng mức; nắng nóng kéo dài làm giảm sức đề kháng của đàn vật nuôi, trong khi các hộ chăn nuôi chưa chủ động tiêm phòng nên khả năng xuất hiện các loại bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi là rất lớn.

- Một số hộ nuôi thủy sản chưa tuân thủ theo đúng quy trình cải tạo ao nuôi, sử dụng con giống chưa đạt chất lượng, không có ao lắng, lọc để xử lý nước kết hợp với môi trường ao nuôi chưa ổn định, nhiệt độ giữa ngày và đêm chênh lệch lớn là nguyên nhân dẫn đến tôm nuôi chậm lớn và bị bệnh. Bên cạnh đó, ý thức của người dân trong việc quản lý môi trường vùng nuôi còn hạn chế, sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, thiếu tính liên kết; tình trạng nuôi cá lóc tràn lan không theo quy hoạch đã gây ô nhiễm môi trường nước và thiếu nước ngọt dẫn đến thiệt hại.

- Thị trường tiêu thụ nông sản thiếu tính bền vững, giá thủy sản thương phẩm còn ở mức thấp làm cho người dân thiếu an tâm đầu tư đúng mức, tình trạng tự phát, chạy theo phong trào, theo thời giá dẫn đến phá vỡ qui hoạch, sản xuất không tuân thủ lịch thời vụ;

- Sản lượng tôm, cá gần bờ giảm, ngư dân khai thác không có hiệu quả nên hạn chế ra khơi;

- Chăn nuôi của tỉnh chủ yếu theo hình thức nông hộ còn nhỏ, lẻ, người chăn nuôi chưa có ý thức trong việc tiêm phòng vắc xin để phòng bệnh cho đàn vật nuôi là nguyên nhân xảy ra dịch bệnh ở một số nơi.

- Vai trò quản lý nhà nước trong công tác quản lý giống và vật tư đầu vào còn mặt nào hạn chế. Sự phối hợp giữa các ngành và chính quyền địa phương còn thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ; việc tuyên truyền, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập, do có trách nhiệm liên đới nhiều ngành.

II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC QUÝ II NĂM 2016

1. Dự báo những thuận lợi, khó khăn trong triển khai thực hiện nhiệm vụ: Các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh tiếp tục được triển khai thực hiện; cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất được quan tâm đầu tư; việc ứng dụng khoa học kỹ thuật tiến bộ mới trong sản xuất ngày càng rộng rãi; trình độ, năng lực, tay nghề của nông dân từng bước được nâng cao, triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, cùng với việc quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT; sự hỗ trợ tích cực của các ngành, các cấp; sự phấn đấu, nỗ lực của toàn ngành và nông dân trong tỉnh là những thuận lợi cơ bản. Tuy nhiên, tình trạng nắng nóng, khô hạn, mặn kéo dài; dịch bệnh luôn tiềm ẩn; giá cả vật tư đầu vào đứng ở mức cao, giá nông, thủy sản ở mức thấp và có khả năng sụt giảm, khó

tiêu thụ sẽ là những khó khăn, thách thức đối với sản xuất nông, lâm, thủy sản của tỉnh trong quý II/2016.

2. Kế hoạch công tác quý II

a) Một số chỉ tiêu chủ yếu

- Phần đầu giá trị sản xuất đạt thêm 5.391 tỷ đồng (giá so sánh 2010), lũy kế 6 tháng đầu năm 13.135 tỷ đồng, đạt 48% kế hoạch, trong đó: Nông nghiệp 3.104 tỷ đồng (trồng trọt 2.094 tỷ đồng, chăn nuôi 859 tỷ đồng, dịch vụ 152 tỷ đồng); lâm nghiệp 82 tỷ đồng; thủy sản 1.611 tỷ đồng (khai thác hải sản 153 tỷ đồng, khai thác nội đồng 131 tỷ đồng, nuôi trồng thủy sản 1.319 tỷ đồng, dịch vụ 8 tỷ đồng).

- Sản lượng cây trồng chủ yếu: Lúa 339.354 tấn; màu lương thực 29.699 tấn; màu thực phẩm 186.341 tấn; mía 202.761 tấn; đậu phộng 11.254 tấn; dừa 84.139 tấn; cây ăn trái 75.945 tấn.

- Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu: Ổn định tổng đàn bò 177.425 con; đàn heo tăng thêm 42.000 con và đàn gia cầm tăng thêm khoảng 01 triệu con.

- Sản lượng thủy sản: 50.436 tấn (17.333 tấn tôm), trong đó: Nuôi trồng 31.673 tấn (6.469 tấn tôm sú, 13.785 tấn tôm thẻ, 3.469 tấn cá tra, 5.766 tấn cá lóc...); khai thác 18.763 tấn (5.227 tấn tôm).

b) Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

- Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

+ Cây lúa: Tập trung chỉ đạo xuống giống, theo dõi, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh lúa Hè thu. Căn cứ tình hình thực tế, thông báo khí tượng thủy văn, khuyến cáo của Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ tham mưu UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo, khuyến cáo nông dân sản xuất vụ Hè Thu trên địa bàn tỉnh như sau:

++ Về bố trí lịch thời vụ: Tổng diện tích xuống giống vụ Hè Thu năm 2016 khoảng 78.000 ha, chia thành 02 đợt như sau: Đợt 1: Xuống giống tập trung trong tháng 5 khoảng 35.000 ha tại các vùng sản xuất lúa 03 vụ/năm, gồm: huyện Càng Long 13.000 ha, huyện Cầu Kè 10.000 ha và huyện Tiểu Cần 12.000 ha (cho những vùng chủ động nước ngọt tưới hoặc có mưa sớm); Đợt 2: Xuống giống khoảng nửa đầu tháng 6 khi có mưa theo dự báo toàn bộ diện tích còn lại khoảng 43.000 ha (cho vùng 02 vụ lúa/năm).

++ Về cơ cấu giống lúa: Khuyến cáo sử dụng các giống lúa có khả năng chịu hạn, mặn và phèn khá, thích nghi tốt với nhiều vùng đất tại tỉnh Trà Vinh, gồm: OM 4900, OM 6162, OM 6976, OM 5451, IR 50404, ML 202.

++ Theo dõi, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại lúa Hè thu: Hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng, chuẩn bị đất tốt phục vụ xuống giống lúa Hè Thu, không để xảy ra ngộ độc phèn đầu vụ; thực hiện dự tính, dự báo, vận động nông dân thường xuyên thăm đồng, kịp thời phát hiện các loại sâu bệnh để phòng trị hiệu quả.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Tập trung hướng dẫn nông dân theo dõi, chăm sóc, thu hoạch màu Đông Xuân. Tiếp tục

khuyến khích nông dân chuyển đổi từ sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng màu ở những nơi có điều kiện, tập trung phát triển một số cây chủ lực và có thị trường tiêu thụ như: bắp, đậu phộng, dưa hấu, bí đỏ,...

+ Chăn nuôi gia súc, gia cầm: Tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là trong thời điểm giao mùa thường xảy ra dịch bệnh; kết hợp địa phương quản lý tình hình vịt chạy đồng; tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, trong đó tập trung thực hiện tốt chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Công văn số 376/UBND-NN ngày 04/02/2016 và Công văn số 511/UBND-NN ngày 23/02/2016; phối hợp tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi chủ động tiêm phòng cho đàn vật nuôi và ký cam kết thực hiện các quy định trong công tác phòng, chống dịch bệnh; thực hiện tốt công tác quản lý tình hình sử dụng chất cấm trong chăn nuôi; tăng cường kiểm tra, kiểm soát giết mổ và tình hình vận chuyển động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh; triển khai thành lập tổ hợp tác chăn nuôi gà thả vườn và sản xuất bò cái nèn; kết hợp địa phương triển khai thực hiện Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ.

+ Thủy sản: Kết hợp các địa phương quản lý chặt chẽ tình hình nhập con giống vào tỉnh, thả con giống phải qua kiểm dịch; hướng dẫn nông dân thả giống theo lịch thời vụ, theo dõi tình hình xâm nhập mặn ảnh hưởng đến nuôi thủy sản để có khuyến cáo kịp thời; tăng cường cán bộ kỹ thuật bám sát địa bàn các xã nuôi thủy sản trọng điểm thuộc các huyện ven biển; quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn dùng trong nuôi thủy sản; kiểm tra điều kiện VSATTP đối với tàu cá, các cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản nguyên liệu thủy sản; tổ chức các cuộc tuyên truyền về Luật thủy sản, khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, thực hiện quan trắc môi trường, thu mẫu giáp xác tại các tuyến sông đầu nguồn phục vụ nuôi thủy sản.

+ Lâm nghiệp: Tiếp tục chăm sóc cây giống đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn để triển khai trồng rừng phòng hộ tập trung thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ giai đoạn 2015-2020; triển khai công tác thiết kế trồng rừng, chuẩn bị mặt bằng, xây dựng dự toán thi công công trình trồng, chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng năm 2016; khảo sát, theo dõi tình hình bồi tụ khu vực Cồn Vượt, xã Hiệp Thạnh để thực hiện mô hình trồng bản thử nghiệm; xây dựng và trình phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với tất cả diện tích rừng chuyển sang mục đích khác; tiếp tục công tác tuần tra quản lý bảo vệ rừng, tuần tra kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã, kịp thời ngăn chặn các trường hợp vi phạm.

+ Phát triển nông thôn:

++ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Hoàn chỉnh và trình Ban cán sự UBND tỉnh Nghị quyết của Tỉnh ủy về xây dựng huyện nông thôn mới và Kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020; tiến hành kiểm tra, rà soát, nắm lại nhu cầu đầu tư của 14 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016; hỗ trợ các xã nông thôn mới giữ vững và nâng chất lượng các tiêu chí đã đạt; hướng dẫn các

địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất năm 2016; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 06 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ 03 xã Ninh Thới, Tân Bình, Ngọc Biên hoàn thành hồ sơ, thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

++ Chương trình bố trí dân cư: Nghiệm thu hoàn thành đường giao thông nội bộ và bàn giao mặt bằng (19.260 m²) của Dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa cho Công ty TNHH Điện gió Trà Vinh; nghiệm thu hạng mục kè trái, lập các thủ tục triển khai thi công kè phải thuộc Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông. Tổ chức đấu thầu thi công hạng mục đường giao thông liên ấp thuộc Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa.

++ Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề: Tiếp tục theo dõi tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của các ngành nghề, làng nghề; phối hợp với các ngành và địa phương khảo sát, hỗ trợ công nhận một số làng nghề đủ điều kiện; kiểm tra, giám sát và hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch đào tạo nghề theo nguồn vốn phân bổ của kế hoạch năm 2016.

+ Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Duy trì hoạt động 165 trạm cấp nước hiện có, mở rộng các tuyến ống của một số trạm cấp nước trên địa bàn 02 huyện Châu Thành và Càng Long, phấn đấu lắp đặt thêm cho 2.500 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh. Khẩn trương hoàn thành thủ tục triển khai thực hiện các giải pháp cấp nước cho các xã thiếu nước nghiêm trọng.

- Công tác chuyên môn:

+ Công tác quy hoạch, xây dựng các chương trình, đề án và nghị quyết: Sớm hoàn chỉnh các thủ tục để thông qua Hội đồng thẩm định đối với các dự án quy hoạch triển khai thực hiện năm 2015 để trình phê duyệt và công bố thực hiện; triển khai lập mới Quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ tỉnh Trà Vinh; xây dựng Phương án ứng phó sự cố thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2016; Chương trình khuyến nông khuyến ngư trọng điểm phục vụ nông nghiệp nông thôn; Nghị quyết và kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy lãnh đạo phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Nghị quyết của Tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện Tái cơ cấu nông nghiệp, nông thôn và Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh. Đồng thời, nhanh chóng hoàn chỉnh và trình phê duyệt các kế hoạch tái cơ cấu trong các lĩnh vực trồng trọt, thủy sản và lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Phối kết hợp với các Sở, ban ngành và UBND cấp huyện triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương và của tỉnh đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, cụ thể: Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ giống để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg,...

+ Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp ứng phó với khô hạn và xâm nhập mặn, như:

++ Chủ động vận hành hệ thống công trình thủy lợi để ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ sản xuất, sinh hoạt; tranh thủ lấy nước ngọt khi có điều kiện;

++ Tăng cường công tác cập nhật thông tin dự báo từ các cơ quan chuyên môn, để kịp thời thông báo cho các ngành, địa phương và nhân dân biết nhằm chủ động trong sinh hoạt và sản xuất.

++ Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình nạo vét kênh mương, tu bổ bờ bao nội đồng, tổ chức thực hiện các biện pháp bơm chuyên từ kênh cấp II vào kênh cấp III để cung cấp nước phục vụ sản xuất.

++ Tập trung chỉ đạo cán bộ kỹ thuật tư vấn trực tiếp về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản cho nông dân; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, các biện pháp tưới tiết kiệm nước trong sản xuất lúa, đặc biệt là sản xuất lúa chất lượng cao và mô hình cánh đồng lớn; tiếp tục triển khai thực hiện các mô hình trình diễn, nhân rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao.

++ Chủ động thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi không để bộc phát gây hại trên diện rộng.

++ Thường xuyên thăm đồng kết hợp kiểm tra các vùng sản xuất bị ảnh hưởng thiệt hại do hạn, mặn; kịp thời tổng hợp, báo cáo tình hình thiệt hại do hạn, mặn trên các lĩnh vực.

++ Khuyến cáo người dân sản xuất lúa theo lịch thời vụ. Đồng thời, vận động chuyển đổi từ sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng màu ở những nơi có điều kiện hoặc bỏ vụ chờ đến khi có mưa nhiều xuống giống vụ Thu đông sớm sẽ có hiệu quả hơn.

++ Phối hợp với các địa phương tổ chức rà soát, nắm lại số hộ thiếu đói, thiếu nước ngọt sinh hoạt, nhất là đối với các hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, đồng bào dân tộc ở các vùng sử dụng nước mặt để kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện hỗ trợ theo quy định.

+ Đổi mới và phát triển các hình thức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn: Tiếp tục tổ chức các tập huấn củng cố, phát triển mới HTX và tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp; tiếp tục hỗ trợ các HTX, tổ hợp tác trong việc tiêu thụ nông sản; hỗ trợ HTX hoàn thành việc đăng ký, đăng ký lại theo Luật hợp tác xã và hỗ trợ xây dựng mỗi huyện 01 HTX kiểu mới để nhân rộng. Sơ kết đánh giá làm cơ sở nhân rộng các hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả, phù hợp với từng ngành hàng, lĩnh vực, đặc biệt đối với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; phát triển theo mô hình kinh tế tập thể đối với khai thác vùng biển khơi và mô hình đồng quản lý đối với vùng biển ven bờ.

+ Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình mục tiêu thuộc nguồn vốn phân bổ năm 2016.

+ Tập trung triển khai, kiểm tra, giám sát thi công các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, ngăn ngừa, giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu thuộc

nguồn vốn phân bổ 2016 và vốn kết dư từ 2015 chuyển sang. Đồng thời, triển khai thực hiện nhanh các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2016 và vốn khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông xuân năm 2015-2016.

+ Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

+ Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống, vật tư phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm.

III. KIẾN NGHỊ

1. UBND tỉnh xem xét, thống nhất chủ trương ban hành một số quy định chế tài trong quản lý sản xuất nông nghiệp nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch, cơ cấu mùa vụ, lịch thời vụ, cơ cấu giống, cụ thể: *Không xem xét hỗ trợ đối với các trường hợp sản xuất tự phát, không theo quy hoạch, cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống, lịch thời vụ...trong thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ tái sản xuất do thiên tai, dịch bệnh.*

2. UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp cùng với ngành Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình tìm đầu ra nông sản, với nội dung cụ thể cho từng mặt hàng thế mạnh (bắp lai, đậu phộng, rau, dưa...) để giải quyết bài toán khó về thị trường hiện nay. Đồng thời, xem xét có chính sách hỗ trợ (giống, vật tư thiết yếu, khoa học công nghệ, phát triển các mối liên kết...) để khuyến khích người dân thực hiện chuyển đổi mạnh mẽ hơn.

3. Đề nghị UBND tỉnh phân cấp quản lý về nuôi trồng thủy sản cho UBND cấp huyện để tăng cường vai trò quản lý của địa phương thực hiện có hiệu quả hơn.

4. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung vốn sự nghiệp năm 2016 cho Sở Nông nghiệp và PTNT để nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc vì hiện đang xuống cấp (sơn tường, chống thấm, chống dột mái) với tổng số tiền khoảng 730 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo sơ kết công tác quý I, kế hoạch công tác quý II năm 2016 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh nắm, theo dõi, chỉ đạo./. *Đ*

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.





BÁO CÁO THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tính đến ngày 15/3/2016

STT	Đơn vị	ĐVT	Quý I/2015	KH vụ/năm 2016	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
	Giá trị sản xuất (Theo giá năm 2010)	Tỷ đồng	7.927,65	26.126	-	7.743,87	97,68%	29,64%
a	Giá trị SX nông nghiệp	"	6.812,83	18.285	-	6.726,44	98,73%	36,79%
	- Trồng trọt	"	5.231,66	13.539		5117,08	97,81%	37,79%
	- Chăn nuôi	"	832,78	3.075		871,39	104,64%	28,33%
	- Dịch vụ	"	748,38	1.670		737,97	98,61%	44,18%
b	Giá trị lâm nghiệp	"	48,19	260		51,23	106,32%	19,70%
c	Giá trị sản xuất thủy sản	"	1.066,64	7.581	-	966,20	90,58%	12,75%
	- Khai thác hải sản	"	359,44	1.132		345,07	96,00%	30,48%
	- Khai thác nội đồng	"	117,23	518		101,51	86,59%	19,62%
	- Nuôi trồng thủy sản	"	583,72	5.897		509,53	87,29%	8,64%
	- Dịch vụ thủy sản	"	6,24	35		10,09	161,78%	28,83%
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	182.393	289.330	6.588	178.715	97,98%	61,77%
	Cây lương thực có hạt	Ha	160.572	238.000	1.853	157.929	98,35%	66,36%
I	Cây lúa	Ha	158.097	232.000	1.370	155.982	98,66%	67,23%
a	Vụ Thu Đông-mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	89.209,38	89.000		87.739,48	98,35%	98,58%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	89.209,38	89.000	615,4	87.310,15	97,87%	98,10%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	53,41	54,20	5,13	52,9	99,09%	97,65%
	- Sản lượng	tấn	476.506	482.380	316,0	462.101	96,98%	95,80%
b	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	68.888	65.000	778,0	67.430,46	97,88%	103,74%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	15.532	65.000	20.295	20.860,0	134,30%	32,09%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	67,09	67,35	64,68	64,60	96,29%	95,92%
	- Sản lượng	tấn	104.207	437.776	131.258,0	134.764	129,32%	30,78%
c	Vụ Hè Thu							
	- Diện tích	Ha		78.000	592	812		1,04%
	- Năng suất	Tạ/ha		53,50				
	- Sản lượng	tấn		417.300				
2	Cây màu	Ha	24.295	57.330	5.218	22.733	93,57%	39,65%
a	Màu lương thực	Ha	3.478	9.350	835	2.855	82,07%	30,53%
	- Cây bắp							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.474,56	6.000	483	1.946,59	78,66%	32,44%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.232	6.000	663	750,30	60,90%	12,51%
	+ Năng suất	Tạ/ha	55,30	52,00	55,36	55,20	99,83%	106,16%
	+ Sản lượng	Tấn	6.813	31.200	3.672	4.142	60,80%	13,28%
	- Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	552,7	1.550	256	480,88	87,01%	31,02%
	+ Diện tích thu hoạch	"	135,2	1.550	84	103,00	76,21%	6,65%
	+ Năng suất	Tạ/ha	146,94	159,70	102,89	113,69	77,37%	71,19%
	+ Sản lượng	Tấn	1.986	24.754	864	1.171	58,96%	4,73%



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Quý I/2015	KH vụ/năm 2016	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	Sản							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	279,70	1.150	64	271,19	96,96%	23,58%
	+ Diện tích thu hoạch	"	70,00	1.150	45	52,00	74,29%	4,52%
	+ Năng suất	Tạ/ha	115,14	151,50	109	114,50	99,44%	75,58%
	+ Sản lượng	Tấn	806,00	17.423	492	595	73,87%	3,42%
	- Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	171,47	650	32	156,14	91,06%	24,02%
	+ Diện tích thu hoạch	"	16,57	650	48	54,40	328,30%	8,37%
b	Cây thực phẩm	Ha	11.986,46	31.830	2.145	11.199,30	93,43%	35,18%
	- Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	11.661,14	31.000	2.005	10.870,89	93,22%	35,07%
	+ Diện tích thu hoạch	"	9.540,36	31.000	6.833	8.843,56	92,70%	28,53%
	+ Năng suất	Tạ/ha	223,6	223,94	221,21	221,8	99,20%	99,05%
	+ Sản lượng	Tấn	213.322	694.200	151.146	196.152	91,95%	28,26%
	- Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	325,32	830	140	328,41	100,95%	39,57%
	+ Diện tích thu hoạch	"	106,82	830	34	73,00	68,34%	8,80%
	+ Năng suất	Tạ/ha	13,9	16,58	10,1	10,1	73,07%	61,06%
	+ Sản lượng	Tấn	148	1.376	34	74	49,93%	5,37%
c	Cây công nghiệp hàng năm		8.119	13.500	1.988	7.941	97,81%	58,82%
	- Đậu phộng	Ha						
	+ DT gieo trồng	Ha	3.012,29	5.000	786	2.993,40	99,37%	59,87%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.216,65	5.000	673	864,65	71,07%	17,29%
	+ Năng suất	Tạ/ha	48,70	53,00	46,03	47,60	97,75%	89,82%
	+ Sản lượng	Tấn	5.925	26.500	3.098	4.116	69,47%	15,53%
	- Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	4.084,23	6.100	1.032	3.963,29	97,04%	64,97%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.079,00	6.100	682	2.436,46	79,13%	39,94%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.100,29	1.100	1.096	1.096	99,57%	99,60%
	+ Sản lượng	Tấn	338.779	671.000	266.939	266.939	78,79%	39,78%
	Cây lác (cói)							
	+ DT gieo trồng	Ha	1.022,20	2.400	170	983,90	96,25%	41,00%
	+ Diện tích thu hoạch	"	119	2.400	75	79,28	66,64%	3,30%
	+ Năng suất	Tạ/ha	100,3	103,40	93,52	94,0	93,70%	90,88%
	+ Sản lượng	Tấn	1.193	24.816	704	745	62,45%	3,00%
d	Cây trồng khác	"						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	711,72	2.650	249,3	738,28	103,73%	27,86%
	+ Diện tích thu hoạch	"	22,10	2.650	182,9	186,00	841,63%	7,02%
2	Cây lâu năm							
3	Cây ăn quả							
II	CHĂN NUÔI							
	- Tổng đàn trâu	con	1.130	1.130		970	85,84%	85,84%
	- Tổng đàn bò	con	150.350	150.500		177.425	118,01%	117,89%
	- Tổng đàn lợn	con	339.200	370.000		328.041	96,71%	88,66%
	- Tổng đàn gia cầm	con	4.565	5.500		4.322,26	94,67%	78,59%
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha						

STT	Chi tiêu	ĐVT	Quý I/2015	KH vụ/năm 2016	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	<i>Trong đó:</i>							
	- Rừng phòng hộ	"						
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha						
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha						
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha						
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây						
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	<i>Trong đó:</i> Gỗ rừng trồng	"						
C	DIÊM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	23.134,27	42.700	6.444,33	25.117,94	108,57%	58,82%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	233,04	4.000	67,72	288,80	123,93%	7,22%
	- Diện tích nuôi cá	"	181,84	2.500	67,72	229,60	126,26%	9,18%
	<i>Trong đó:</i> + Cá tra, cá ba sa	"	0,40	50	-	0,10	25,00%	0,20%
	<i>Cá lóc</i>	"	47,07	290	18,82	55,50	117,91%	19,14%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1,20	1.500	-	59,20	4933,33%	3,95%
	<i>Trong đó:</i> tôm càng xanh	"	1,20	1.500	-	59,20	4933,33%	3,95%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	22.901,23	38.700	6.376,61	24.829,1	108,42%	64,16%
	- Diện tích nuôi cá	"						
	<i>Trong đó:</i> + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	22.879,2	37.000	6.376,61	24.829,14	108,52%	67,11%
	<i>Trong đó:</i> + Tôm sú	"	13.454	19.000	3.212,75	13.252,5	98,50%	69,75%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	1.083,2	5.000	615,06	1.302,4	120,24%	26,05%
	+ Cua biển	"	8.342,3	13.000	2.548,80	10.274,2	123,16%	79,03%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	22	1.700	-	-	0,00%	0,00%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	28.831	181.000	9.269,49	27.394,1	95,02%	15,13%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	11.190	101.200	4.126,90	11.843,3	105,84%	11,70%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	8.220	55.500	2.983,40	9.856,8	119,91%	17,76%
	- Sản lượng cá	"	8.005,00	55.000	2.973,20	9.721,95	121,45%	17,68%
	<i>Trong đó:</i> cá tra, cá ba sa	"	466,00	10.000	769,00	831	178,33%	8,31%
	<i>Cá lóc</i>	"	5.356,70	27.000	1.349,50	5.844	109,09%	21,64%
	- Sản lượng giáp xác	"	215,30	500	10,20	134,8	62,61%	26,96%
	<i>Trong đó:</i> tôm càng xanh	"	215,30	500	10,20	134,8	62,61%	26,96%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						



STT	Chi tiêu	ĐVT	Quý I/2015	KH vụ/năm 2016	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
4.1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	2.969,3	45.700	1.143,50	1.986,6	66,90%	4,35%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng tôm nuôi	"	2.920,5	43.500	1.121,50	1.931,81	66,15%	4,44%
	Trong đó: + Tôm sú	"	705,6	14.500	164,73	346,6	49,12%	2,39%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	1.535,8	21.000	787,87	1.101,5	71,72%	5,25%
	+ Nuôi cua biển	"	679,2	8.000	168,90	483,7	71,22%	6,05%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	48,8	2.200	22,00	54,75	112,31%	2,49%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	17.641,64	79.800	5.142,59	15.550,76	88,15%	19,49%
4.2.1.	Khai thác biển	Tấn	14.885,72	65.900	4.461,17	12.956,35	87,04%	19,66%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	7.204,14	25.000	1.792,49	5.166,0	71,71%	20,66%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	1.944,09	8.900	631,94	1.949,0	100,25%	21,90%
	Trong đó: - Tôm...	"						
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	5.737,49	32.000	2.036,74	5.841,4	101,81%	18,25%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	2.755,92	13.900	681	2.594,4	94,14%	18,66%
	Trong đó: - Cá các loại	"	1.191,1	6.500	287,95	1.168,3	98,08%	17,97%
	- Tôm các loại	"	1.104,3	4.200	240,45	1.019,3	92,30%	24,27%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	460,5	3.200	153,02	406,9	88,36%	12,72%